

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-PT

Ngày: 14/3/2023

“V/v tranh chấp về họ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trà.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm; Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị T Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về họ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2023/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1961; Ông Phan H - sinh năm: 1960; Cùng địa chỉ: 384 Tr, Tp.Q, Bình Định. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Đình D - sinh năm: 1965 (có mặt); Bà Nguyễn Thị Kim Th - sinh năm: 1965 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: 535 Ng, Tp.Q, Bình Định. (Bà Th ủy quyền cho ông Trương Đình D tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 1851 ngày 05/5/2022).

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Đình D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Phan H thống nhất trình bày:

Ngày 25/01/2019, vợ chồng ông bà có tổ chức cầm cái họ (huê), mỗi chân huê gồm 12 người, chia thành 12 tháng. Bà Th, ông D đã hót 06 chân huê, tổng số tiền là 4.750.000.000 đồng. Sau khi trừ các khoản tiền, bà Th có viết giấy nhận nợ tiền huê là 4.200.000.000 đồng vào ngày 25/5/2019. Sau đó, vợ chồng bà Th, ông D có nộp 02 tháng tiền huê (tháng 6,7/2019), tổng cộng 1.200.000.000 đồng. Như vậy, số

tiền huê vợ chồng ông D, bà Th còn nợ ông bà là 3.000.000.000 đồng. Mặc dù ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D, bà Th hứa hẹn và cho đến nay vẫn chưa trả. Tại phiên tòa, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi xét xử xong vụ kiện.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn Trương Đình D trình bày:

Ông thống nhất bà Th có tham gia chơi huê do bà T làm chủ huê. Ông thống nhất thời gian chơi, số người chơi, số tiền huê mỗi chân phải nộp như nguyên đơn trình bày. Bà Th chơi tổng cộng 06 chân huê, mỗi chân nộp 100.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng nộp 600.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 05/2019, bà Th có hót tổng cộng 06 chân huê, ông và bà Th không nhớ cụ thể mỗi chân hót vào ngày tháng nào. Hai bên thỏa Tận, khi hót huê số tiền còn lại phải nộp là buộc ghi giấy nợ cho bà T. Ông công nhận Giấy nhận nợ tiền huê viết cho bà T vào ngày 25/5/2019 là chữ ký, chữ viết của bà Th. Từ tháng 06 đến tháng 08/2019, vợ chồng ông có nộp 03 tháng tiền huê (có lúc ông nộp, có lúc bà Th nộp nhưng không nhớ cụ thể ngày nộp), mỗi tháng nộp 600.000.000 đồng, tổng cộng 1.800.000.000 đồng. Khi nộp tiền huê hai bên không có viết giấy giao nhận tiền, không có ai làm chứng. Tháng 9/2019, bà Th phải đi chấp hành án phạt tù nên không thể trả nợ huê cho bà T. Nay bà Th đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng vì bị bệnh nên chưa thể trả nợ.

Thực tế, bà Th chơi 06 chân huê, trong đó 03 chân là của bà Võ Thị T Ngà, 02 chân là của bà Nguyễn Thị Ánh L, còn 01 chân là của bà Th. Hiện nay bà Ngà, bà L làm ăn Ta lố, không có khả năng trả nợ. Vợ chồng ông cũng không biết rõ địa chỉ của bà Ngà và bà Linh ở đâu. Tại thời điểm chơi huê, bà Th có dẫn bà Linh đến nhà bà T giới thiệu chơi huê. Sau đó, bà L hót huê tại nhà bà T. Bà T nói bà Th T dùm tiền huê của bà L. Còn bà Ngà, bà Th đứng ra chơi dùm, bà T không biết bà Ng cũng như bà Ng không biết bà T.

Ông cho rằng hiện nay bà Th còn nợ vợ chồng bà T, ông H 2.400.000.000 đồng tiền huê chứ không phải 3.000.000.000 đồng như ông H, bà T yêu cầu. Bà Th đồng ý sẽ trả dần số tiền huê còn nợ, nhưng không đồng ý trả lãi vì trái với quy định pháp luật hiện hành. Tại phiên tòa, ông cho rằng không biết việc chơi huê của bà Th nên không chịu trách nhiệm cùng bà Th trả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Phan H và bà Nguyễn Thị T.

Buộc vợ chồng ông Trương Đình D và bà Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan H và bà Nguyễn Thị T số tiền 3.168.022.000 đồng, trong đó tiền nợ huê là 3.000.000.000 và tiền lãi chậm trả 168.022.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 09/8/2022 bị đơn ông Trương Đình D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Đình D. Giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử xong ông Trương Đình D không đồng ý nên làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ vụ án, xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Đình D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. *Về tố tụng*: Kháng cáo của ông Trương Đình D là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung*: Vào ngày 25/01/2019, vợ chồng ông Phan H và bà Nguyễn Thị T có tổ chức cầm cái huê (chủ hộ), chân huê gồm 12 người, chia thành 12 tháng. Bà Nguyễn Thị Kim Th tham gia chơi 6 chân huê, mỗi chân huê nộp 100.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng nộp 600.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến 05/2019, bà Th hót huê tổng cộng 6 chân. Sau khi trừ các khoản phải nộp, bà Th còn nợ lại vợ chồng ông H, bà T 4.200.000.000 đồng nên ngày 25/5/2019 bà Th đã viết giấy nhận nợ tiền huê cho bà T. Sau khi viết giấy nợ, bà Th đã trả 2 kỳ, mỗi kỳ 600.000.000 đồng, còn nợ lại 3.000.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

[3]. Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông D cho rằng: Việc bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông) chơi huê hui với vợ chồng ông H, ông hoàn toàn không biết; bà Th tham gia chơi 06 chân huê, trong đó có 3 chân của bà Võ Thị T Ngà; 02 chân của bà Nguyễn Thị Ánh Linh. Hiện nay, 02 người này vỡ nợ đi khỏi địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ là bỏ lọt người tham gia tố tụng; Số tiền huê bà Th chỉ nợ vợ chồng ông H là 2.400.000.000 đồng chứ không phải 3.000.000.000 đồng như tòa sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Ông Trương Đình D khẳng định: Giấy mượn tiền ngày 25/5/2019 với số tiền 4.200.000.000 đồng là do bà Nguyễn Thị Kim Th viết và được nguyên đơn thừa nhận bà Th đã trả 1.200.000.000 đồng sau khi viết giấy nợ nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Kim Th còn nợ vợ chồng ông Phan H với số tiền 3.000.000.000 đồng.

[3.2]. Ông Trương Đình D cho rằng: Bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông) chơi họ (huê) với vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị T như thế nào ông hoàn toàn không biết là không có cơ sở, vì tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2022 ông khai: Ông thống nhất bà Th có tham gia chơi huê do bà T làm chủ huê, việc nộp tiền huê cho nguyên đơn có lúc tôi (D) nộp, có lúc bà Th nộp. Ông công nhận giấy nhận nợ tiền huê viết cho bà T vào ngày 25/5/2019 là chữ ký, chữ viết của bà Th, chứng minh ông D biết rõ việc bà Th chơi huê và còn nợ tiền của nguyên đơn.

[3.3]. Bà Võ Thị T N và bà Nguyễn Thị Ánh L không liên quan đến giấy mượn tiền mà bà Nguyễn Thị Kim Th viết ngày 25/5/2019 nên cấp sơ thẩm không xác minh, không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nội dung kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Đình D. Giữ y án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Đình D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Phan H và bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc vợ chồng ông Trương Đình D, bà Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị T số tiền 3.168.022.000 đồng (trong đó, tiền nợ họ 3.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 168.022.000 đồng).

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Đình D, bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 95.360.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Đình D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai T tiền số 0004404 ngày 26/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Tp. Q;
- CCTHADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Trà